

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn và
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảnh.

2. Bà Nguyễn Thị Tua - Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2021/TLST-HN&GD, ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-DS, ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thúy H, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp 04, xã V, huyện T, tỉnh G (Có mặt),

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 07, xã V, huyện T, tỉnh G (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2021, nguyên đơn chị Mai Thị Thúy H trình bày: Vào năm 2012, giữa nguyên đơn với bị đơn anh Nguyễn Trọng T xác lập quan hệ vợ chồng, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 11/2021, thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay,

nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị H với anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai Quỳnh H, sinh ngày 25/11/2012 và cháu Nguyễn Mai Ngọc H, sinh ngày 17/7/2016, hiện nay cả hai con chung do chị H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chưa yêu cầu cấp dưỡng. Về nợ chung không có; tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 23/12/2021, bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: Vào năm 2012, giữa anh T với chị Mai Thị Thúy H xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, anh T còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn; về con chung, giữa anh T với chị H có 02 con chung là Nguyễn Mai Quỳnh H, sinh ngày 25/11/2012 và cháu Nguyễn Mai Ngọc H, sinh ngày 17/7/2016, hiện nay cả hai con chung do chị H đang nuôi dưỡng, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung mà chưa yêu cầu cấp dưỡng. Nợ chung không có. Tài sản chung anh T đang quản lý sử dụng căn nhà tại ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, chị H đang quản lý xe gắn máy, nhưng không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2021, ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Mai Quỳnh H có nguyện vọng sống với chị Mai Thị Thúy H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Mai Thị Thúy H với anh Nguyễn Trọng T được ly hôn; về con chung, tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng; về nợ chung không có, tài sản chung chưa yêu cầu nên không đề cập đến. Án phí chị H phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Về tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, nợ chung không có, tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết.

Vấn đề đương sự không thống nhất: Về hôn nhân anh Nguyễn Trọng T không đồng ý ly hôn; các bên tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Mai Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Trọng T, do anh T cư trú tại ấp 7, xã V, huyện T, tỉnh G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 07/5/2013, giữa chị Mai Thị Thúy H với anh Nguyễn Trọng T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Do đó, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014, để giải quyết tranh chấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thời điểm chị Mai Thị Thúy H với anh Nguyễn Trọng T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh G thì anh chị đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; theo biên bản xác minh ngày 06/12/2021, được chính quyền địa phương cung cấp: mâu thuẫn giữa chị H với anh T thì địa phương không rõ, hai vợ chồng không phát sinh về tài sản chung, nợ chung. Từ khi ly thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không thăm hỏi, liên lạc với nhau; qua đó cho thấy các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị Mai Thị Thúy H với anh Nguyễn Trọng T có 02 con chung là Nguyễn Mai Quỳnh H, sinh ngày 25/11/2012 và cháu Nguyễn Mai Ngọc H, sinh ngày 17/7/2016, hiện nay cả hai con chung do chị H đang nuôi dưỡng. Các bên đều tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Quỳnh H là nữ (trên 07 tuổi), đã sống với chị H từ khi anh chị ly thân cho đến nay, quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản ngày 23/12/2021 cháu Quỳnh H

có nguyện vọng sống với mẹ, đây là sự tự nguyện của cháu Quỳnh H nên ghi nhận; còn cháu Nguyễn Mai Ngọc H chưa đủ 07 tuổi và do chị H đang nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho các cháu, thực hiện các quyền về trẻ em, ưu tiên cho các cháu sống cùng với nhau, nên giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự; do đó, anh T chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, chị H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Các bên đương sự thừa nhận không có nên không đề cập đến. Về tài sản chung: Các bên đương sự chưa yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến. Sau khi ly hôn, nếu có tranh chấp về chia tài sản chung thì đương sự có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị Mai Thị Thúy H là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc chị H phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[8] Đương sự được kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thúy H.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Mai Thị Thúy H với anh Nguyễn Trọng T được ly hôn.

2. *Về con chung:* Chị Mai Thị Thúy H được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Mai Quỳnh H, sinh ngày 25/11/2012 và cháu Nguyễn Mai

Ngọc H, sinh ngày 17/7/2016. Anh Nguyễn Trọng T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về nợ chung*: Không có; tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Mai Thị Thúy H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002605, ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Mai Thị Thúy H đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Hậu Giang;
 - VKSND h.Vị Thủy;
 - Chi cục THADS h.Vị Thủy;
 - UBND xã
- (nơi Đăng ký kết hôn);
- Công TTĐT (để công bố);
 - Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng